TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 31-03-2025
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lại Thị Lan và ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn,tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 401/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Kiều Văn Tiệp, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Anh Tvà chị H đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Kiều Văn Ttrình bày: Anh và chị Hoàng Thị H được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 25-02- 2014 tại UBND xã Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại Đông Lĩnh, xã Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh một thời gian. Sau đó vợ chồng chuyển về quê vợ ở Hiệp An. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 4 năm đầu sau khi kết hôn, đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về tính cách quan, điểm sống, công việc của anh thường xuyên phải xa nhà. Do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, lần cuối cùng vào khoảng tháng 7-2017 khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H có nói là "*đi được thì đi luôn đi*", nên anh đã bỏ nhà đi. Tuy nhiên thỉnh thoảng anh có về thăm con. Anh chị đã sống ly thân hẳn từ đầu năm 2018 đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Từ khi anh bỏ đi nơi khác ở chị H và anh chưa lần nào nói chuyện để hòa giải. Gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Anh nhận thấy hai bên có nhiều bất đồng, không còn tiếng nói chung để tiếp tục sống chung cùng chị H nữa. Tình cảm vợ chồng đến nay không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Kiều Ngọc N, sinh ngày 28-11-2014 và Kiều Như Ngọc T, sinh ngày 28-5-2016. Hiện nay cả hai cháu đều ở cùng chị H, anh đồng ý cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/cháu/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh T được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 25-02-2014. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại gia đình nhà chồng được khoảng 3 tháng thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về tính cách, quan điểm sống, do vậy vợ chồng xảy ra cãi nhau. Lần cuối cùng vào khoảng tháng 8 năm 2017 khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T bỏ nhà đi. Sau đó vợ chồng lại hòa giải bình thường, vợ chồng sinh sống một thời gian đến khoảng năm 2018 thì anh Ttự ý thuê nhà ở trên thành phố Hải Dương sinh sống, thỉnh thoảng về thăm nom gia đình. Thời gian từ khoảng năm 2019 đến nay anh Tvề nhà thưa dần hơn, tình cảm không còn như trước nữa. Anh Tcó về chỉ đáo qua thăm con. Anh chị sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan hệ cả về tình cảm và kinh tế, thỉnh thoảng anh Tcó đưa tiền nuôi con. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mặc dù vợ chồng xảy ra như vậy nhưng chị vẫn mong muốn anh Tsuy nghĩ rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung vì thực tế mâu thuẫn của vợ chồng chị không có gì lớn. Nếu anh Tvẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của anh Ttự quyết định, chị không đồng ý. Sau đó chị thay đổi quan điểm xác định đến nay vợ chồng cũng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Kiều Ngọc N, sinh ngày 28-11-2014 và Kiều Như Ngọc T, sinh ngày 28-5-2016, hiện nay các cháu đều đang ở

cùng với chị. Nếu trường hợp anh Tvẫn kiên quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con để đảm bảo cuộc sống cũng như học tập của các con. Anh Tcấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng /cháu kể từ khi ly hôn đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi chị đồng ý. Hiện nay chị làm điều dưỡng tại bệnh viện thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Chị và các con đang ở cùng bố mẹ đẻ. Chị được bố mẹ hỗ trợ về chỗ ở cũng như giúp chị việc chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Kiều Văn T và bị đơn chị Hoàng Thị H xin vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Kiều Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2.Về con chung: Giao con chung là Kiều Ngọc N, sinh ngày 28-11-2014 và Kiều Như Ngọc T, sinh ngày 28-5-2016 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Kiều Văn Tcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng/ cháu, thời gian kể từ tháng 4-2025 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Kiều Văn Tphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Anh Kiều Văn Tcó đơn yêu cầu xin ly hôn chị Hoàng Thị H. Chị H có đăng kí hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Lưu Thượng 2, phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Kiều Văn Tvà bị đơn chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tvà chị H.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Văn Tvà chị Hoàng Thị H được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại UBND xã Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 25-02-2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh Tvà chị H cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài và không còn tình cảm nữa. Anh Txin ly hôn chị H đồng ý. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, hai bên sống ly thân không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải về đoàn tụ nhưng không được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh Tvà chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh Tiệp, xử cho anh được ly hôn chị H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị cùng xác định vợ chồng có 2 con chung là Kiều Ngọc N, sinh ngày 28-11-2014 và Kiều Như Ngọc T, sinh ngày 28-5-2016. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H. Nay ly hôn chị H và anh Tcùng có nguyện vọng giao cả 2 cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và cũng là phù hợp với nguyên vọng của các cháu. Do vậy áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Ttiếp tục giao cháu Kiều Ngọc N và Kiều Như Ngọc T cho chị H nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng/cháu kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H đồng ý với mức cấp dưỡng như vậy. Do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên về mức cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng/ cháu, thời gian kể từ tháng 4-2025 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tvà chị H cùng không yêu cầu nên

không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Kiều Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Tcòn có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ về việc nuôi con chung nên phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81,Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Kiều Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2.Về con chung: Giao con chung là Kiều Ngọc N, sinh ngày 28-11-2014 và Kiều Như Ngọc T, sinh ngày 28-5-2016 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Kiều Văn Tcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng/ cháu, thời gian kể từ tháng 4-2025 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Kiều Văn Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên có quyền thi hành án làm đơn yêu cầu mà bên có nghĩa vụ không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Kiều Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0007049 ngày 02-12-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt